



ẢNH: VIỆT HUY

Giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển thủy sản

ThS. VÕ THỊ HOÀNG NHÌ
ThS. NGUYỄN THỊ PHÚC HẬU

Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng với mục tiêu nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, trong đó dành nhiều sự quan tâm đến việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của ngư dân, Chính phủ đã ban hành và phê duyệt nhiều chính sách hỗ trợ ngư dân, trong đó có các chính sách tập trung hỗ trợ về nguồn vốn tín dụng để giúp ngư dân phát triển kinh tế biển, vùng ven biển, nâng cao đời sống kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Trong phạm vi bài viết này tác giả muốn đề cập đến “Giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên”

I. Thực trạng triển khai các chính sách có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về hỗ trợ ngành thủy sản

Phát triển kinh tế biển, nâng cao đời sống ngư dân gắn liền với bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biển đảo quốc gia là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành nhằm hỗ trợ ngư dân, phát triển ngành thủy sản như: Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 09/02/2007 của Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết 27/NQ-CP của Chính phủ về Chiến lược biển Việt Nam, Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 05/3/2014 của Chính phủ, trong đó có chính sách tín dụng ưu tiên đối với ngư dân. Đặc biệt, ngày 07/7/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó quy định các chính sách ưu đãi về đầu tư, bảo hiểm, tín dụng; chính sách ưu đãi thuế và một số chính sách khác áp dụng

đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản; tổ chức cá nhân đóng tàu, nâng cấp tàu phục vụ hoạt động khai thác thủy sản... Trong lĩnh vực đầu tư khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản có các cơ chế ưu đãi về tín dụng: (1) Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/04/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (NNo – NT) và thông tư 14/TT-NHNN ngày 14/6/2010 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định số 41/2010/NĐ-CP, theo đó khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế thuộc lĩnh vực này tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh: Được vay vốn không cần tài sản đảm bảo tại các Tổ chức Tín dụng (TCTD) để đóng tàu, mua ngư lưới cụ, trang thiết bị phục vụ đánh bắt hải sản và bảo quản, chế biến ngư nghiệp tối đa 50 triệu đồng đối với các cá nhân, hộ sản xuất phục vụ nông nghiệp nông thôn; 200 triệu đồng đối với hộ sản xuất, kinh doanh; 500 triệu đồng đối với hợp tác xã. Được xem xét cơ cấu lại nợ khi gặp khó khăn về tài chính do nguyên nhân khách quan. (2) Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày



Phát triển kinh tế biển, nâng cao đời sống ngư dân gắn liền với bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biển đảo quốc gia là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

ANH VIỆT HUY

02/12/2011 đã được thay thế bằng Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp: Được vay vốn để mua sắm các loại máy, thiết bị, ngư lưới cụ phục vụ đánh bắt xa bờ và được Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất trong 2 năm đầu, 50% lãi suất từ năm thứ 3 trở đi. Đối với các dự án đầu tư chế biến thủy sản (thiết bị làm lạnh, cấp đông, tái đông; sản xuất nước đá, đá vảy; thiết bị hấp sấy...) được vay vốn theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. (3) Quyết định của 1050/QĐ-NHNN ngày 28/05/2014 về chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 14/NQ-CP ngày 05/03/2014 của Chính phủ: Đối với các dự án nuôi trồng thủy sản, sản xuất theo chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm, được vay với lãi suất vay thấp hơn lãi suất thông thường từ 1-1,5%/năm và được xem xét cho vay không cần tài sản đảm bảo khi các TCTD kiểm soát được dòng tiền. (4) Quyết định 540/QĐ-TTg ngày 16/04/2014 về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra và Công văn số 3623/NHNNTD ngày 28/05/2014 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 540/QĐ-TTg: Các hộ gia đình và doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh được cơ cấu lại tối đa đến 36 tháng đối với các khoản nợ cũ, không thu lãi quá hạn, lãi phạt đối với các khoản nợ được cơ cấu và cho vay mới với lãi suất tối đa là 8%/năm. (5) Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số

chính sách phát triển thủy sản và Thông tư 22/TT-NHNN ngày 15/08/2014 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; theo đó, Chủ tàu được vay vốn tối đa từ 70% đến 90% tổng giá trị đóng mới, nâng cấp tùy thuộc vào loại tàu, công suất máy chính, chất liệu đóng mới, nâng cấp; lãi suất 7%/năm (chủ tàu chỉ phải trả lãi suất 1%-3%/năm, ngân sách nhà nước cấp bù mức chênh lệch lãi suất); thời hạn cho vay 11 năm, trong đó năm đầu tiên chủ tàu được miễn lãi và chưa phải trả nợ gốc; đồng thời, được vay tối đa đến 70% nhu cầu vốn lưu động để chi trả chi phí đi biển hoặc giá trị cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản với lãi suất 7%/năm.

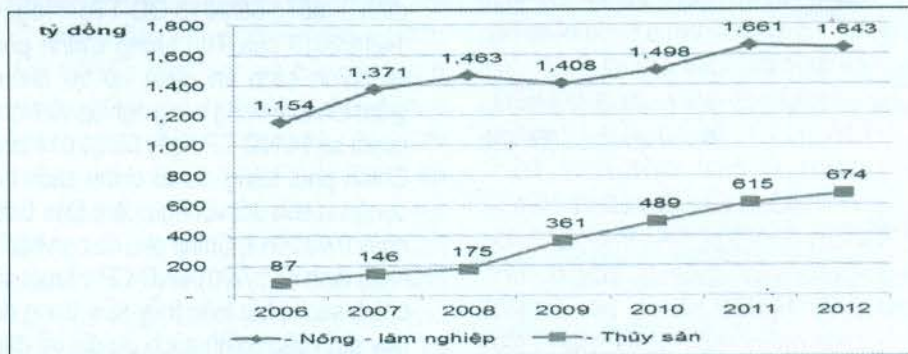
Ngoài ra, một số chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất của Chính phủ và các Tổ chức Quốc tế đang được thực hiện tại Ngân hàng Chính sách Xã hội: (1)

Chương trình tín dụng ưu đãi đối với 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và Thông tư 06/2009/TT-NHNN ngày 09/04/2009 của Ngân hàng Nhà nước: Các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư sản xuất, chế biến kinh doanh trên địa bàn 62 huyện nghèo được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước. (2) Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. (3) Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/07/2009 của Thủ tướng về Chương trình tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; theo đó, lãi suất cho vay áp dụng bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn (10,8%/năm) và tối đa được vay đến 500 triệu đồng. (4) Dự án cho vay các doanh nghiệp do Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức tài trợ, đặc biệt ưu tiên các doanh nghiệp ở vùng xa, vùng khó khăn. Với mục đích đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp để đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu tư phát triển, cho vay với số tiền tối đa 500 triệu đồng/doanh nghiệp và lãi suất hiện nay là 10,8%/năm.

II. Kết quả thực hiện cho vay của các ngân hàng về hỗ trợ ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Những năm gần đây, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, hệ thống NH trên địa bàn đã triển khai nhiều chính

Biểu đồ 1 : Dư nợ nội bộ ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản tại địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2006 – 2012



(Nguồn: Báo cáo tổng hợp tình hình cho vay theo từng lĩnh vực tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Phú Yên của chi nhánh NHNN Phú Yên qua các năm)

sách ưu tiên nguồn vốn cho phát triển nông thôn, đặc biệt kể từ sau Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn ra đời, dòng vốn tín dụng càng được hướng mạnh về khu vực này. Nông nghiệp nông thôn luôn luôn là đối tượng ưu tiên trong chính sách tín dụng của NHTM, đặc biệt là NHTM nhà nước.

Theo số liệu thống kê cho thấy trong tổng dư nợ ngành nông – lâm nghiệp – thủy sản thì dư nợ tín dụng thủy sản chiếm tỷ trọng nhỏ trong dư nợ toàn ngành nhưng có xu hướng gia tăng tỷ trọng theo thời gian 17% (2006), tăng lên đến 24,6% (2010) và 29,1% (2012). Sở dĩ tỷ trọng dư nợ ngành thủy sản có xu hướng gia tăng theo thời gian là do Nhà nước ban hành những chính sách cụ thể hỗ trợ DN thủy sản và nông dân tiếp cận nguồn vốn phát triển và điều này cũng theo đúng định hướng phát triển thủy sản bền vững, toàn diện trên các mặt nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá để phát huy thế mạnh của tỉnh. Tuy vậy, trên thực tế các NHTM trên địa bàn tỉnh vẫn còn khá dè dặt trong việc mở rộng tín dụng ngành thủy sản nói chung và nhất là tín dụng đối với ngành khai thác, vì cho vay đối với ngành này chứa đựng nhiều rủi ro do hoạt động khai thác đem lại hiệu quả còn thấp, quy mô nhỏ là chủ yếu, tàu thuyền và phương tiện khai thác chậm đổi mới, dịch vụ hậu cần nghề cá chưa đáp ứng kịp yêu cầu nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ, chịu ảnh hưởng lớn từ điều kiện thời tiết, giá cả biến

động bất bình, nhiều mặt hàng thủy sản có chiều hướng sụt giảm do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới, cộng thêm nhiều nước áp dụng các hàng rào kỹ thuật, áp thuế chống bán phá giá đã khiến các DN xuất khẩu thủy sản gặp khó khăn, trong khi nhiều DN chế biến thủy sản đã sử dụng vốn không đúng mục đích, vay vốn ngắn hạn để đầu tư trung, dài hạn dẫn đến mất khả năng trả nợ, làm cho nợ xấu trong lĩnh vực này tăng lên trong khi cho vay đối với ngành này không có hoặc giá trị tài sản đảm bảo rất thấp, chủ yếu là cho vay tín chấp, điều này mang lại rủi ro cho NH là rất cao.

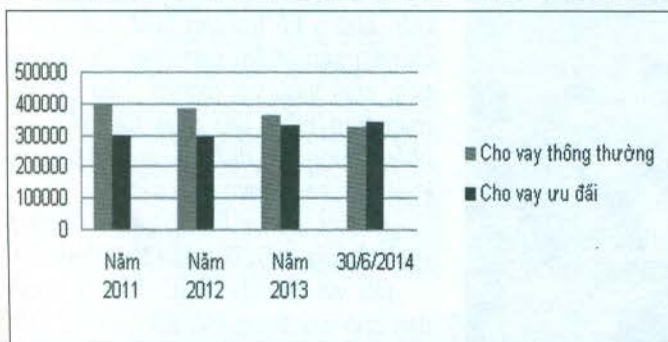
Đối với việc cho vay và phục vụ ngư dân theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP và các gói tín dụng khác thì tại thời điểm cuối năm 2013, dư nợ cho vay đạt 689.149 triệu đồng tăng 15.094 triệu đồng, tức tăng 2,24% so với năm 2012 và chiếm 6,18% tổng dư nợ toàn địa bàn. Tính đến ngày 30/06/2014, toàn tỉnh có 7.048 khách hàng vay vốn NH để đầu tư khai thác thủy sản, nuôi trồng và chế biến thủy sản, hải sản với dư nợ là 662.350 triệu đồng, giảm 26.799 triệu đồng với tỷ lệ giảm 3,89% so với đầu năm; hiện chiếm 5,84%/ tổng dư nợ toàn địa bàn. Trong đó: Cho vay thông thường theo lãi suất thương mại là 322.243 triệu đồng, giảm 5.733 triệu đồng tức giảm 1,75 % so với đầu năm, chiếm 48,65%/dư nợ cho vay ngư dân với 1.760 khách hàng còn dư nợ; Cho vay các chương trình ưu đãi với dư nợ 340.107 triệu đồng, giảm 21.066 triệu đồng, tức giảm 5,83% so với đầu năm, chiếm 51,35%/dư nợ cho vay ngư dân

(bao gồm các chương trình như: Cho vay hộ nghèo 11.162 triệu đồng, hộ cận nghèo 10.504 triệu đồng, cho vay chương trình giải quyết việc làm 3.111 triệu đồng; chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn 13.604 triệu đồng và các chương trình ưu đãi khác là 301.726 triệu đồng) với 5.288 khách hàng còn dư nợ.

Ngoài ra, dư nợ cho vay được đầu tư vào các lĩnh vực với tỷ lệ cụ thể: lĩnh vực Khai thác thủy sản đạt 38.576 triệu đồng, với 1.752 khách hàng còn dư nợ, tăng 3.117 triệu đồng với tỷ lệ tăng 8,79% so với đầu năm; chiếm 5,82%/ dư nợ cho vay ngư dân; Trong lĩnh vực Chế biến thủy hải sản, tổng dư nợ đạt 184.870 triệu đồng, giảm 32.471 triệu đồng tức giảm 14,94% so với đầu năm, chiếm 27,91%. Đối với nuôi trồng thủy sản, dư nợ đạt 438.904 triệu đồng, tăng 2.555 triệu đồng tức tăng 0,59% so với đầu năm, chiếm 66,26% dư nợ cho vay ngư dân. Mặt khác, nếu dư nợ cho vay phân theo khối ngân hàng thì NHTMCP Nhà nước đạt 576.260 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 87%/ dư nợ cho vay ngư dân; NHTM CP là 47.709 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 7,2%; NHCS XH chiếm tỷ lệ 5,8% đạt mức 38.381 triệu đồng.

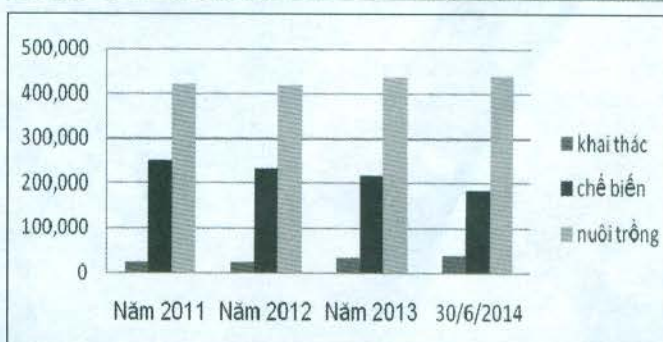
Trên cơ sở phân tích số liệu cho thấy, những kết quả đạt được trong việc cho vay phục vụ ngư dân, đó là các TCTD trên địa bàn đã tranh thủ tối đa nguồn vốn của trung ương để cho vay các đối tượng chính sách nhằm thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là cho vay hỗ trợ người nghèo vùng ven biển giúp các đối tượng chính sách giảm bớt khó khăn, góp phần giảm nghèo bền vững; đồng thời với

Biểu đồ 2: Dư nợ cho vay theo chương trình
(ĐVT: triệu đồng)



(Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phục vụ ngư dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên của chi nhánh NHNN tỉnh Phú Yên qua các năm)

Biểu đồ 3: Dư nợ cho vay theo đối tượng khai thác – chế biến – nuôi trồng
(ĐVT: triệu đồng)



(Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phục vụ ngư dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên của chi nhánh NHNN tỉnh Phú Yên qua các năm)

việc tăng trưởng dự nợ các NH luôn chú trọng đến chất lượng tín dụng và hiệu quả hoạt động NH. Điều này được thể hiện khi tổng nợ xấu cho vay phục vụ ngư dân tính đến ngày 30/6/2014 là 10.755 triệu đồng, chiếm 1,62% tổng dư nợ cho vay phục vụ ngư dân; so với 31/12/2013 giảm 10.674 triệu đồng, tỷ lệ giảm 49,81%. Ngoài ra, NH đã góp phần tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, hộ dân ổn định, duy trì sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế gặp khó khăn hiện nay.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại hạn chế như: Tỷ trọng dư nợ cho ngư dân vay vốn để nuôi trồng, đánh bắt hải sản còn ở mức rất thấp so với tiềm năng và thế mạnh về thủy hải sản của tỉnh, dư nợ hiện nay chủ yếu là của NHNo&PTNT (35,87%), BIDV (15,22%) và NHCSXH (5,79%); lãi suất cho vay các đối tượng chính sách của NHCSXH còn cao, chưa phù hợp điều chỉnh giai đoạn hiện nay.

Đối với tình hình triển khai cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên, Ngành NH đã triển khai một số chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định này. Trên cơ sở đó, BIDV chi nhánh Phú Yên đã chủ động thành lập tổ triển khai chương trình tín dụng hỗ trợ khai thác thủy hải sản xa bờ tại Phú Yên. Đoàn đã tiếp cận các DN, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng của Nghị định và đã tổ chức cho 22 khách hàng là cá nhân và DN đi tham quan quy trình đóng tàu vỏ sắt tại công ty TNHH Nhà Máy Tàu biển Huynhdai Vinashine (tỉnh Khánh Hòa) và tham dự buổi giới thiệu về nghiệp vụ thuyền viên tại Đại Học Thủy

sản Nha Trang. Tính đến thời điểm tháng 09/2014 đã có 22 khách hàng là ngư dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đăng ký vay vốn chương trình cấp tín dụng 3000 tỷ đồng hỗ trợ ngư dân khai thác thủy sản xa bờ tại BIDV Phú Yên, với tổng vốn vay trung dài hạn dự kiến hơn 131 tỷ đồng. Ngay khi các chủ tàu hội đủ điều kiện vay vốn như quy định của Nghị định 67/2014/NĐ-CP, Thông tư 22/TT-NHNN ngày 15/08/2014 của NHNN Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và dự án xin vay vốn được UBND phê duyệt thì BIDV sẽ giải ngân, tạo điều kiện cho ngư dân, DN cải hoán, đóng mới tàu hiện đại để vươn khơi bám biển.

Ngoài gói tín dụng 3000 tỷ đồng thực hiện theo nghị định 67/2014/NĐ-CP, BIDV cũng triển khai các gói tín dụng khác để hỗ trợ phát triển ngành thủy sản như 2000 tỷ đồng cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp thi công đóng tàu; 4500 tỷ hỗ trợ phát triển nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến thủy hải sản; 500 tỷ đồng gia tăng năng lực chế biến cá ngừ đại dương.

III. Giải pháp đẩy mạnh cho vay nhằm phát triển ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên

❖ Đối với Chính quyền địa phương

Để nhanh chóng đưa dòng vốn đến với ngư dân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy sản, UBND tỉnh cần chỉ đạo các ban ngành liên quan triển khai đồng bộ các nội dung tại Nghị định 67 một cách chặt chẽ, khẩn trương, thực hiện có lộ trình theo phương châm "vừa đúng, vừa nhanh" cùng với ngành NH.

Ngoài ra, UBND tỉnh cần chỉ đạo việc xem xét, phê duyệt danh sách các chủ tàu đủ điều kiện được vay vốn NH để đóng mới, nâng cấp tàu phục vụ khai thác hải sản xa bờ, làm cơ sở để ngành NH triển khai xét duyệt cho vay. Thêm vào đó, thường xuyên tổ chức các lớp hướng dẫn ngư dân cách đánh bắt, nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; tổ chức mạng lưới thu mua hải sản phù hợp tránh trường hợp ép giá đối với ngư dân; tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại để hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến thủy sản tìm kiếm các thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu. Đồng thời tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ cho thuyền trưởng, thuyền viên về kiến thức vận hành tàu vỏ sắt.

Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục mở rộng phạm vi thí điểm mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị. Sở NN&PTNT cần chỉ đạo Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Trung tâm Khuyến Nông-Khuyến Ngư tiến hành nhiều buổi đối thoại với ngư dân để trao đổi các vấn đề liên quan đến tổ chức lại sản xuất khai thác, nuôi trồng theo chuỗi... Trên cơ sở đó, vận động xây dựng các mô hình sản xuất khai thác, nuôi trồng hải sản theo chuỗi giá trị như: Mô hình tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ hàng thủy sản theo chuỗi do doanh nghiệp trực tiếp đầu tư và tổ chức thực hiện (kể cả liên doanh, liên kết); Mô hình liên kết theo chuỗi do doanh nghiệp hợp tác với các chủ tàu khai thác tổ chức thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản; Mô hình liên kết theo chuỗi có vai trò của cơ sở thu mua, nậu vừa làm trung gian liên kết giữa các chủ tàu khai thác, nuôi trồng và các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng và triển khai mô hình liên kết ngang theo các khâu của chuỗi giá trị: Tổ đội, hợp tác xã liên kết sản xuất trên biển nhằm hỗ trợ sản xuất, luân phiên chuyển sản phẩm sớm vào bờ; liên kết giữa khai thác với dịch vụ hậu cần thu mua trên biển; thu mua bao tiêu sản phẩm; cung ứng dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác sản phẩm thủy sản.

❖ Đối với hệ thống các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Đối với các chi nhánh NH, để mạnh dạn cho vay trong lĩnh vực này cần thực hiện một số giải pháp:

Một là, cùng với các chủ trương, chính



ANH-VIỆT-HUY

sách của Chính phủ, của NHNN, các TCTD cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để huy động vốn, trong đó cần chú ý đến nguồn vốn trung, dài hạn để đáp ứng nhu cầu vay của khu vực đánh bắt xa bờ, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn phù hợp với nhu cầu khách hàng. Mở rộng có quy hoạch mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch tạo điều kiện thuận lợi huy động vốn nhân rộng trong dân cư và các tổ chức kinh tế; tăng cường khai thác các nguồn vốn trung và dài hạn để đảm bảo ổn định lâu dài và thuận tiện cho việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như: Nguồn vốn ODA, nguồn vốn dành cho Dự án tín dụng đối với nông thôn..., bên cạnh đó cần thực hiện tốt công tác xử lý nợ tồn đọng để tạo nguồn vốn khả dụng.

Hai là, để tăng trưởng tín dụng từ phía NH và giảm mức độ rủi ro tín dụng ngay từ khi thẩm định, quyết định cho vay, các tổ chức tín dụng có thể nghiên cứu và triển khai các sản phẩm tín dụng phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực, đặc biệt chú trọng đến sản phẩm tín dụng vào các ngành nghề, lĩnh vực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại như các tàu thuyền có công suất lớn, liên kết chặt chẽ theo chuỗi từ khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ biển có chất lượng, đảm bảo đủ tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Ví dụ, cung cấp các gói sản phẩm ưu đãi về lãi suất vay vốn, gói sản phẩm tín dụng dựa trên chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, cho vay theo dòng tiền, hỗ trợ khách hàng lập phương án sản xuất – kinh doanh, dự án đầu tư hợp lý, tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm, dịch vụ... Trong thời gian tới, các tổ chức tín dụng có thể xem xét tiếp tục thí điểm các mô hình tương tự với các lĩnh vực khác như khai thác tài nguyên biển, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản. Để triển khai sản phẩm liên kết dạng này, Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện vai trò khuyến khích, định hướng và theo dõi việc tuân thủ các cam kết, đảm bảo nguyên tắc các ngân hàng tham gia chuỗi liên kết bình đẳng về vai trò, tự nguyện tham gia và thống nhất quyền lợi, nghĩa vụ.

Ba là, các tổ chức tín dụng triển khai các gói tín dụng với nhiều hình thức ưu đãi khác nhau trên cơ sở xác định việc hỗ trợ

ngành thủy sản vừa góp phần thúc đẩy tín dụng tăng trưởng, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, vừa góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương một cách bền vững. Những ưu đãi từ phía tổ chức tín dụng không chỉ dừng lại ở việc đưa ra các ưu đãi về mặt tài chính như mức lãi suất thấp, miễn, giảm lãi cho các khách hàng vay vốn gặp khó khăn, mà còn là những ưu đãi khác như quy định về tài sản đảm bảo thông thoáng hơn, thủ tục xét duyệt vay vốn nhanh chóng, hay đưa ra những tư vấn, hỗ trợ trong quá trình khách hàng xây dựng và triển khai phương án, dự án sản xuất kinh doanh.

Bốn là, cần có cơ chế chia sẻ rủi ro trong tín dụng ngân hàng, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận tín dụng thông qua việc hình thành và phát triển các công ty bảo hiểm. Các tổ chức tín dụng và công ty bảo hiểm phối hợp chặt chẽ trong việc thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản. Thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong ngành này với nhiều rủi ro tiềm ẩn đòi hỏi có một tổ chức kiểm soát tốt những rủi ro đối với hoạt động đặc thù này, từ đó giảm thiểu rủi ro đối với các khoản tín dụng được các ngân hàng cấp cho khách hàng. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản xa bờ là các lĩnh vực phải đối mặt với nhiều rủi ro về thời tiết, dịch bệnh trong khi thị trường bảo hiểm cho lĩnh vực này thường phát triển sau thị trường tín dụng. Bảo hiểm cho lĩnh vực thủy sản là lĩnh vực phức tạp, tốn kém và khả năng sinh lời thấp, rất dễ bị lỗ nên cần phải có sự hỗ trợ từ phía Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Để phát triển thị trường bảo hiểm, Nhà nước cần có biện pháp hỗ trợ DN, hộ gia đình tham gia bảo hiểm thông qua phí bảo hiểm.

Năm là, đa dạng hóa các loại tài sản thế chấp. Hiện nay NHNN đã cho phép các TCTD tự do quyết định trong việc cho vay có đảm bảo bằng tài sản hoặc tín chấp. Tuy nhiên, đa số khách hàng (từ cá nhân, hộ gia đình đến DN) không đủ điều kiện hoặc uy tín để NH cho vay tín chấp. Để tạo điều kiện cho các TCTD mạnh dạn hơn trong cho vay bằng tín chấp, chính quyền địa phương các cấp nên hình thành và tổ chức các tổ, đội sản xuất. Việc

gắn kết người dân vào tổ, đội sản xuất để họ hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất, đốc thúc nhau trả nợ vay, thậm chí trả nợ thay nếu một thành viên của tổ tạm thời mất khả năng chi trả. Chính quyền các cấp cần có trách nhiệm giám sát, hỗ trợ hoạt động của các tổ, đội sản xuất, bảo lãnh để các thành viên trong tổ được vay vốn bằng tín chấp. Bên cạnh đó, NHNN cần đa dạng hóa các loại tài sản cầm cố thế chấp, như DN có thể cầm cố thế chấp các cảng biển, cảng cá và các loại cơ sở hạ tầng khác thuộc sở hữu của DN hoặc do DN đầu tư.

Sáu là, bảo toàn nguồn vốn vay của ngân hàng. Nguyên tắc cho vay vốn của NH là đồng vốn được sử dụng hiệu quả và vốn gốc quay trở lại NH cùng với một khoản tiền lãi tính trên số vốn gốc đó. Chính vì vậy các TCTD cần tăng cường hoàn thiện quy trình kiểm soát các quá trình thẩm định, cho vay và sử dụng vốn vay để tránh trường hợp gây thất thoát về vốn vì những lợi ích cá nhân của các đối tượng có liên quan, đặc biệt đối với việc cho vay theo các chương trình của Chính phủ.

Đối với gói tín dụng triển khai theo Nghị định 67 – được coi như một chiếc phao cứu sinh cho ngư dân, điều quan trọng là phải hoạt động như thế nào cho hiệu quả, tránh trường hợp đi vào vết xe đổ của dự án đánh bắt xa bờ năm 1997. Có rất nhiều vấn đề phát sinh sau thời gian triển khai nghị định mà các bên hữu quan, trong đó có hệ thống ngân hàng cần phải quan tâm như là tình trạng người dân vay vốn một cách ồ ạt trong khi theo quy định để tiếp cận nguồn vốn không phải dễ, để được tham gia dự án vay vốn theo chủ trương phải tuân theo quy trình đăng ký thủ tục như khi đóng mới thì sử dụng máy mới 100%, điều này sẽ làm tăng chi phí đóng tàu, thời gian trả nợ. Hoặc khi đóng mới tàu có công suất lớn sẽ gặp khó khăn là do cửa biển hẹp không nơi neo đậu, máy móc thiết bị phức tạp khó sửa chữa... Để việc giải ngân vốn thật sự hiệu quả thì các chi nhánh ngân hàng cần phải thành lập bộ phận chuyên trách nhiệm vụ này tham gia vào hội đồng tư vấn xem xét giải quyết vay vốn. Trên cơ sở đó, bộ phận này sẽ có nhiệm vụ tiếp cận địa bàn để tìm hiểu thông tin, nắm bắt nhu cầu, năng lực hoạt

(Xem tiếp trang 43)

Giải pháp nhằm...

(Tiếp theo trang 35)

động thực tế của ngư dân, doanh nghiệp hoạt động nghề cá để có phương án cho vay hợp lý, hướng dẫn lập phương án vay vốn, giải ngân kịp thời gói tín dụng ưu đãi theo chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản; đồng thời hỗ trợ ngư dân trong chuỗi tham quan học tập các mô hình, các quy trình sản xuất khai thác chế biến bảo quản hiện đại.

❖ Đối với ngư dân và Hiệp hội nghề cá

Đối với ngư dân khai thác, cùng nhau phối hợp để xây dựng các tổ, đội nhóm nhằm giúp đỡ nhau trong quá trình đánh bắt trên biển và đưa cá vào bờ, cùng nhau phòng chống bão; cứu hộ cứu nạn; chủ động tích cực tham gia phối hợp với bộ đội hải quân, biên phòng, cảnh sát biển trong bảo vệ quốc phòng an ninh trên biển. Bên cạnh đó, đối với ngư dân phải nắm chắc tính chất, mùa vụ khai thác như quy luật của con cá di hướng nào, vào mùa nào, từ đó tìm cách đón đầu và khai thác đúng theo quy trình hiện đại được hướng dẫn để câu thì mới mang lại hiệu quả cao; Đối với ngư dân nuôi trồng, cần đa dạng hóa đối tượng nuôi, phát triển nuôi các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao. Chủ động phòng tránh dịch bệnh, cải tạo nước để hạn chế ô nhiễm môi trường. Đối với cơ sở thu mua chế biến tiêu thụ sản phẩm, nhất thiết phải có kế hoạch chiến lược kinh doanh hiệu quả nhằm tạo niềm tin và dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn vay của ngân hàng và thu hút vốn của các nhà đầu tư.

Ngoài ra phải phát huy vai trò của Hiệp hội nghề cá nhất là Hiệp hội cá ngừ Phú Yên theo hướng tiếp tục nghiên cứu nâng cao giá trị tài sản trí tuệ nhãn hiệu cá ngừ Phú Yên. Tham gia tư vấn giúp chuỗi xây dựng hoàn thiện quy chế hoạt động, hợp đồng trách nhiệm giữa các thành phần tham gia trong chuỗi sản xuất. Phối hợp với địa phương đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học

kỹ thuật trong điều tra, dự báo ngư trường, khai thác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến; từng bước hiện đại hóa tàu khai thác và dịch vụ thu mua. Bên cạnh đó cần tập trung đào tạo cán bộ có chuyên môn cao, hướng tới đào tạo có địa chỉ theo nhu cầu của thị trường, gắn kết giữa việc phát triển nguồn nhân lực với bố trí dân cư và xây dựng làng cá ven biển.

Với những tiềm năng và lợi thế về biển, có thể nói biển có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của Việt Nam nói chung và của Phú Yên nói riêng. Vì vậy, thời gian qua Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến phát triển kinh tế biển, trong đó có chính sách tín dụng ngân hàng hỗ trợ ngư dân bám biển, phát triển kinh tế biển, vùng ven biển. Để các chính sách này đi vào thực tế cuộc sống cần có sự phối hợp đồng bộ giữa ngân hàng và các cấp, các ngành địa phương, các tổ chức xã hội tạo điều kiện thuận lợi để ngư dân tiếp cận được nguồn vốn, đầu tư trọng điểm, phát triển chuỗi sản phẩm giá trị từ khâu nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến đến khâu tiêu thụ, mục đích sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo thu hồi vốn của các tổ chức tín dụng■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 Về một số chính sách phát triển thủy sản của tỉnh Phú Yên
2. Báo cáo tổng hợp tình hình cho vay theo từng lĩnh vực tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Phú Yên của chi nhánh NHNN Phú Yên qua các năm.
3. Báo cáo tình hình cho vay phục vụ ngư dân trên địa bàn Phú Yên của NHNN Phú Yên
4. Báo cáo tình hình liên kết sản xuất trong khai thác thủy sản tại Phú Yên
5. Diễn đàn "Tổ chức sản xuất cá ngừ theo chuỗi giá trị", Phú Yên, ngày 02 tháng 04 năm 2014.
6. Các văn bản pháp lý khác của Chính Phủ và NHNN.

Giải pháp thúc đẩy...

(Tiếp theo trang 31)

tỉnh trong vùng,....

Vì vậy các bộ ngành và các địa phương có liên quan cần tăng cường tuyên truyền chính sách này của Chính phủ; mặt khác tăng cường khâu kiểm tra, giám sát để các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc chính sách thu mua tạm trữ của các doanh nghiệp được lựa chọn, ngăn chặn các tiêu cực. Về mặt lâu dài cần chủ động đề xuất giải pháp mang tính ổn định, hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân như Chính phủ Thái Lan đã thực hiện. Hiệp hội lương thực Việt Nam cần lắng nghe thông tin dư luận, ý kiến một số địa phương để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Hai là, Bộ No&PTNT, Bộ Công thương, Hiệp hội lương thực Việt Nam... cần tăng cường khâu dự báo sản lượng lúa gạo và giá lúa gạo, chủ động đề xuất sớm kế hoạch thu mua lúa gạo của từng vụ sản xuất, để ngành ngân hàng chủ động chỉ đạo, bố trí vốn, các NHTM chủ động hơn trong giải ngân, cho vay.

Ba là, Bộ No&PTNT, Bộ Công thương, các Hiệp hội ngành nghề: Hiệp hội lương thực Việt Nam, Hiệp hội thủy sản,... cần phát huy vai trò làm tốt hơn, hiệu quả hơn việc mở rộng thị trường xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam một cách ổn định với giá bán ngày càng phù hợp so với các đối tác trong khu vực, cụ thể như Thái Lan,... đặc biệt là các mặt hàng như: gạo, thủy sản, một số loại quả nhiệt đới,...

Bốn là, cần sớm đảm bảo tính hiệu quả, tính khả thi của Mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa gạo xuất khẩu nói riêng, một số loại nông sản chủ lực nói chung ở khu vực ĐBSCL góp phần hỗ trợ cho hoạt động tín dụng ngân hàng.

Năm là, nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, công tác quy hoạch,... cũng như phối hợp chặt chẽ thực hiện có hiệu quả Nghị định 55/2015/NĐ-CP ban hành ngày 09/6/2015, là những yếu tố cần thiết để mở rộng tín dụng an toàn, hiệu quả cho các TCTD tại ĐBSCL.

Sáu là, các chi nhánh TCTD cần phối hợp chặt chẽ với chi nhánh NHNN; đồng thời chi nhánh NHNN cần phát huy cao hơn vai trò trên địa bàn, chủ động tổ chức diễn đàn đối thoại với DN, cũng như tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tháo gỡ vướng mắc về hoạt động tín dụng trên địa bàn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- www.sbv.gov.vn
- Một số nguồn khác của NHNN
- Một số trang web khác